

Số: 4001 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với người thực hiện cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại các cơ sở cách ly tạm thời: Trường THPT Chu Văn An (phường Hóa An), Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn (phường Long Bình Tân), Trường Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai (phường Hồ Nai), Trung đoàn 251 Hải quân (phường An Bình) của thành phố Biên Hòa (đợt 12)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND TP. Biên Hòa tại Tờ trình số 18699/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 966/TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với người thực hiện cách ly y tế (F1) do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ tại các cơ sở cách ly tạm thời:



Trường THPT Chu Văn An (phường Hóa An), Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn (phường Long Bình Tân), Trường Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai (phường Hồ Nai), Trung đoàn 251 Hải quân (phường An Bình) của thành phố Biên Hòa (đợt 12) cho 147 người với kinh phí hỗ trợ là 217.440.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho người cách ly y tế (F1) được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI CÁCH LY Y TẾ (F1) DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TẠI CƠ SỞ CÁCH LY Y TẾ
TẠM THỜI THUỘC CÁC PHƯỜNG: HÒA AN, LONG BÌNH TÂN, AN BÌNH, HỒ NAI CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA (ĐỢT 12)**
(Đính kèm theo Quyết định số **4001** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị cách ly	Tiền ăn (80.000 đồng/ 1 ngày)	Hỗ trợ thêm 1 lần	Tổng tiền
		Nam	Nữ							
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I KCL TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN (PHƯỜNG HÒA AN)										
1	Trương Phạm Thanh Huyền		1996	Kp3, Tam Hiệp	23/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
2	Phạm Thị Nhung		1990	Tổ 31, KP1, Tân Hiệp	23/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
3	Trương Thị Phương		1986	Kp6, Long Bình	23/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
4	Bùi Vũ Minh Thư		1997	Kp6, Tân Biên	23/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
5	Đào Thị Thủy Trang		1999	Kp5a, Long Bình	23/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
6	Hồ Ngọc Thuận		1995	An Hòa, Hòa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
7	Phạm Văn Nghĩa		1994	An Hòa, Hòa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
8	Trương Thị Hồng Phúc		1987	An Hòa, Hòa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000

9	Cao Thị Thu Hiếu		1997	An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
10	Nguyễn Thị Kim Thơ		1989	An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
11	Dương Thị Thúy		1987	An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
12	Nguyễn Văn Bé	1978		An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
13	Hứa Minh Hoàng	1961		An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
14	Phạm Thị Diệp	1980		An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
15	Nguyễn Hữu Loàng	1971		An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
16	Nguyễn Quốc Tường	2014		An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
17	Hứa Hoàng Đạt	2007		An Hòa, Hóa An	26/7/2021	21/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
II	KCL TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÊ QUÝ ĐÔN (PHƯỜNG LONG BÌNH TÂN)									
1	Tường Thị Tâm		26/10/2000	Kp9, Tân Biên, Biên Hòa, Dn	08/8/2021	23/8/2021	16	1.280.000		1.280.000
2	Phạm Thị Minh Loan		17/6/1983	Kp2-tam Hòa-bh-dn	10/8/2021	22/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
3	Phùng Thị Thanh Lý		2/7/1997	Kp1-an Hòa-bh-dn	10/8/2021	22/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
4	Nguyễn Thị Kim Dung		18/4/1997	Kp3-long Bình-bh-dn	10/8/2021	22/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
5	Nguyễn Thị Anh		07/4/1975	T7-kp1-long Bình Tân-bh-dn	14/8/2021	22/8/2021	9	720.000		720.000
6	Bùi Phương Nam	10/8/1990		T18-an Bình-bh-dn	14/8/2021	22/8/2021	9	720.000		720.000
7	Nguyễn Thị Tuyết		1963	Kp9 P. Tân Phong	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
								69.120.000	0	69.120.000

8	Đặng Thị Ngọc Trâm		1983	Kp3 P. Tân Phong	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
9	Nguyễn Thanh Hằng		1995	Kp1 P. Tân Hạnh	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
10	Dương Văn Học	1997		Kp1 P. Tân Hạnh	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
11	Võ Xuân Hiền	1981		Kp4 P. Tân Hạnh	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
12	Trần Thị Diễm Trang		1977	Kp1 P. Tân Hạnh	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
13	Trần Kim Xuyên		1983	Đông Chiêu, Tân Đông, Dĩ An	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
14	Nguyễn Thị Bé		1996	54/5 Bình Phước - bình Chuẩn-bd	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
15	Trần Thị Cẩm Hoa		2002	Kp6 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
16	Liên Văn Liệt	1983		Kp8a P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
17	Trần Thị Kiều Trinh		2002	Kp6 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
18	Nguyễn Thị Kim Anh		1977	Kp6 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
19	Dương Thị Ngọc Trúc		1997	Kp8 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
20	Thị Anh Thư		2001	Kp8 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
21	Nguyễn Bích Như		1996	Kp8 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
22	Nguyễn Thị Thúy		1980	Long Bình	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
23	Hoàng Thị Luyến		1995	Long Bình	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
24	Lương Thị Ngọc Thảo		1995	15/904 Hiệp Phú Q9 tp. HCM	02/8/2021	20/8/2021	19	1.520.000		1.520.000

25	Trần Hồ Anh Thư		2000	Ubnd Phường Bửu Long	02/8/2021	20/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
26	Nguyễn Thị Thu Thủy		1987	Kp4a Trảng Dài	03/8/2021	20/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
27	Lê Tấn Lộc	1993		Kp9 Tân Biên	03/8/2021	20/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
28	Chu Đức Tỷ	1991		Kp4 Trảng Dài	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
29	Nguyễn Văn Hoàng	1998		239/36 Nhất Hòa-hiệp Hòa	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
30	Lý Thanh Nam	2001		A2/94-kP2-tân Vạn	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
31	Dương Phát Lợi	1984		Kp4-thống Nhất	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
32	Nguyễn Đỗ Thuận	2002		1/6-kP8-an Bình	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
33	Hà Văn Chiến	1994		Kp2-long Bình Tân	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
34	Lê Văn Thành	1992		Kp3-trung Dũng	06/8/2021	20/8/2021	15	1.200.000		1.200.000
35	Đỗ Tất Thành	1997		Kp2-long Bình Tân-bhđn	08/8/2021	20/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
36	Lê Hoàng Đức Anh	2001		Kp9-an Bình-bhđn	08/8/2021	20/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
37	Trần Thị Bích Ngọc		2000	Tổ 1 Suối Chồn -bảo Vinh-lk-dn	08/8/2021	20/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
38	Nguyễn Hoàng Trúc Linh		2000	Tổ 4-kP6-phúc Nguyễn -tp-brvt	08/8/2021	20/8/2021	13	1.040.000		1.040.000
39	Trương Xuân Tình	1990		Kp3-long Bình Tân-bhđn	10/8/2021	20/8/2021	11	880.000		880.000
40	Võ Hoàng Phương Vy		2011	Kp3 P.Tân Phong	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
41	Dương Vũ Hải	2019		Kp1 P.Tân Hạnh	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000

42	Dương Vũ Hiếu	2021		Kp1 P. Tân Hành	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
43	Võ Đăng Thanh Trúc		2016	Kp4 P. Tân Hành	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
44	Võ Đăng Phương Vy		2011	Kp4 P. Tân Hành	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
45	Nguyễn Lê Quốc Bảo	2019		Kp6 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
46	Trần Ngô Anh Văn	2020		Kp6 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
47	Lê Nhật Huy	2015		Kp8 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
48	Lê Ngọc Thanh		2009	Kp8 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
49	Lê Nhật Duy	2016		Kp8 P. Long Bình	27/7/2021	20/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
III	KCL TRUNG ĐOÀN 251/HẢI QUÂN (PHÒNG AN BÌNH)							64.160.000	0	64.160.000
1	Lê Thành Lý	1962		Khu Phố 10, Phường Hố Nai, Thanh Phố Biên Hòa	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
2	Trần Thị Hoa		1969	Khu Phố 10, Phường Hố Nai, Thanh Phố Biên Hòa	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
3	Phạm Thị Dẫn		1928	225/1, KP1, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
4	Phạm Xuân Hưng	1973		225/1, KP1, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
5	Phạm Thị Sáng		1974	225/1, KP1, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
6	Phạm Thị Xuân Hoa		2003	225/1, KP1, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000

7	Lê Văn Lộc	2002		Lô F1-17, Khu Tái Định Cư, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
8	Lê Văn Thanh	1968		Lô F1-17, Khu Tái Định Cư, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
9	Lê Văn Bình	1996		Lô F1-17, Khu Tái Định Cư, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
10	Chu Ngọc Linh Thảo		2002	167/7, KP5a, Tân Biên	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
11	Kiên Hoa Ní		1995	167/7, KP5a, Tân Biên	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
12	Lê Hoàng Thiện	2000		Kp 5a, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
13	Nguyễn Thị Kim Hương		2000	Kp 5a, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
14	Nguyễn Tấn Khoa	1963		167/7, KP5a, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
15	Hà Thái Phong	1995		D4, KP5a, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
16	Phạm Văn Bình	1986		Kp 6, Phường Hồ Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
17	Nguyễn Đình Vị	1999		523/24/9, KP6, Phường Hồ Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
18	Nguyễn Mai Phi Dũng	1993		113/12/95, KP6, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
19	Vũ Thị Hòa		1979	Tổ 93, KP 13, Phường Hồ Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000

20	Phạm Thị Vân		1984	560c/2, KP 8a, Phường Tân Biên, thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
21	Nguyễn Văn Trung	1982		560c/2, KP 8a, Phường Tân Biên, thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
22	Nguyễn Thị Thanh Vân		07/11/2005	523/24/9, KP6, Phường Hố Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
23	Nguyễn Ngọc Thảo Mỹ		2011	20/37, Tổ 37, KP8, Phường Hố Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
24	Nguyễn Phú Sỹ	2013		20/37, Tổ 37, KP8, Phường Hố Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
25	Nguyễn Minh Nam	2016		20/37, Tổ 37, KP8, Phường Hố Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
26	Võ Thị Hồng Ngọc		2013	113/12/95, KP6, Phường Tân Biên, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
27	Vì Trọng Khanh	2013		Tổ 93, KP 13, Phường Hố Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	17/7/2021	03/8/2021	18	1.440.000		1.440.000
28	Đinh Văn Hoàn	2007		78/47, Tổ 9, KP1, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
29	Đinh Thị Mộng Tuyền		2008	78/47, Tổ 9, KP1, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	16/7/2021	03/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
30	Lê Thị Yến Tuyền		1987	6/87, KP12, Hố Nai	17/7/2021	05/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
31	Lê Dương Ngọc Ánh		2016	6/87, KP12, Hố Nai	17/7/2021	05/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
32	Nguyễn Sỹ Thọ	1985		Ấp Tân Mai 2, Phước Tân, Bh, Dn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000

33	Trần Thị Cúc		1994	Tổ 9, KP.11, An Bình, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
34	Nguyễn Thị Thúy Càng		1980	Tổ 3, Hương Phước, Phước Tân, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
35	Nguyễn Thị Thu Hằng		1976	Khu 3, Phước Hội, Long Hưng, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
36	Trần Kỳ Duyên		2000	150c1/3, KP.8b, Tân Biên, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
37	Võ Thị Kim Thoa		2000	Kp.6, Long Bình, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
38	Lê Thị Mỹ Dung		1996	Số 14, Đường 19a, An Bình, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
39	Đỗ Thị Thanh Hằng		1997	Số 14, Đường 19a, An Bình, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
40	Nguyễn Thị Phương		1992	Tổ 18, KP.6, Long Bình, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
41	Đỗ Thị Thanh Ly		1999	54/6 KP.3, Long Bình, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
42	Phan Thị Loan		1980	31a, Tổ 16, KP.2, Long Bình Tân, Bh, Đn	26/7/2021	14/8/2021	20	1.600.000		1.600.000
IV	KCL TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT ĐỒNG NAI (PHƯỜNG HỒ NAI)									
1	Trịnh Thị Hiền		01/01/1968	Tổ 11, Khu Phố 2, Phường Long Bình Tân	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
2	Nguyễn Thị Thắm		09/7/1983	116/24, Tổ 19d, KP An Hòa, Phường Hóa An	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
3	Sơn Thế Nghĩa	12/11/2002		38/35 KP4, Phường Tân Hiệp	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
4	Trần Tuấn Kiệt	12/02/1980		179e/7, KP5a, Phường Tân Biên	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000



5	Bùi Thị Phương Anh		20/10/1982	179c/7, KP5a, Phường Tân Biên	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
6	Hứa Minh Khôi	03/10/2017		239, KP4, Phường Tân Hạnh	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
7	Hứa Thị Bảo Trang		22/8/2011	239, KP4, Phường Tân Hạnh	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
8	Hồ Bảo Châu	23/02/2014		Kp3, Phường Tân Hạnh	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
9	Hồ Bảo Nam	18/12/2010		Kp3, Phường Tân Hạnh	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
10	Ngô Hồ Nhã Uyên		30/6/2014	116/24, Tổ 19d, KP An Hòa, Phường Hòa An	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
11	Võ Hồ Phương Vy		05/6/2008	116/24, Tổ 19d, KP An Hòa, Phường Hòa An	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
12	Lê Ngọc Như Ý		04/9/2020	116/24, Tổ 19d, KP An Hòa, Phường Hòa An	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
13	Son Thị Thái Lam	14/6/2008		38/35 KP4, Phường Tân Hiệp	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
14	Nguyễn Bảo Ngọc		25/5/2021	02c/7, Tổ 6, KP1, Tân Hiệp	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
15	Nguyễn Lê Huyền Trang		15/5/2011	KP2, Phường Tân Biên, Tp Biên Hòa	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
16	Mai Thanh Thủy		03/6/2012	Tổ 15, KP2, Phường Tân Biên, Tp Biên Hòa	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
17	Nguyễn Đức Quốc	8/6/2005		36c/7, KP 1, Phường Long Bình Tân	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
18	Nguyễn Đức Quân	13/10/2011		36c/7, KP 1, Phường Long Bình Tân	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
19	Phạm Việt Hùng	21/4/2021		Kp1, Phường Long Bình Tân	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
20	Trần Thị Anh Thư		11/2/2008	179c/7, KP5a, Phường Tân Biên	14/7/2021	01/8/2021	19	1.520.000		1.520.000
21	Trần Anh Tú	22/6/2009		179c/7, KP5a, Phường Tân Biên	14/7/2021	1/8/2021	19	1.520.000		1.520.000

22	Trần Quang Nghĩa	29/9/1976		18a, Ấp An Hòa, Hóa An, Bh- Đn	24/7/2021	16/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
23	Hồ Ngọc Lượng	20/10/1983		Tổ 20, Ấp Cầu Hang, Hóa An, Bh- Đn	24/7/2021	16/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
24	Nguyễn Ngọc	15/02/2000		22b, Ấp Cầu Hang, Hóa An, Bh- Đn	24/7/2021	16/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
25	Võ Văn Phải	10/6/1989		22b, Ấp Cầu Hang, Hóa An, Bh- Đn	24/7/2021	16/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
26	Đặng Thị Ly Chì		01/01/1992	Kp. Long Khánh 2, Tam Phước	27/7/2021	16/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
27	Kiều Thị Dung		18/4/1985	Kp.2, Tân Biên, Bh- Đn	27/7/2021	16/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
28	Nguyễn Thanh Mai		10/11/1983	206/2, KP8a, Phường Tân Biên	14/7/2021	10/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
29	Vũ Minh Hiếu	01/6/2004		206/2, KP8a, Phường Tân Biên	14/7/2021	10/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
30	Nguyễn Hành	17/3/1962		Tổ 6, KP.6, Long Bình, Bh- Đn	03/8/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000
31	Bùi Anh Thành	1990		Tổ 5, KP.5, Trảng Dài, Bh- Đn	03/8/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000
32	Phạm Văn Giang	13/8/1995		12/13 Tổ 15, KP.6, Long Bình, Bh- Đn	03/8/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000
33	Lê Thị Phụng		14/12/1966	Kp.5a, Long Bình, Bh- Đn	03/8/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000
34	Nguyễn Thị Hồng Gấm		30/6/2002	Kp.1, Long Bình, Bh- Đn	03/8/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000
35	Vũ Nguyễn Thùy Trang		25/4/2011	206/2, KP8a, Phường Tân Biên	25/7/2021	10/8/2021	17	1.360.000		1.360.000
36	Lê Hồ Thanh Danh	18/01/2009		T15c, Bình Hóa, Hóa An, Bh- Đn	03/8/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000
37	Trần Ngọc Hải	1979		Ấp An Hòa, Phường Hóa An	14/7/2021	03/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
38	Phạm Thị Anh		16/3/1983	85q1, KP1, P Long Bình Tân	14/7/2021	03/8/2021	21	1.680.000		1.680.000

ĐỒNG

39	Lê Thị Quyên		07/10/1987	210/ổ 6, KP2, P. Long Bình Tân	14/7/2021	03/8/2021	21	1.680.000		1.680.000
TỔNG CỘNG: 147 NGƯỜI								217.440.000	0	217.440.000

Tổng kinh phí hỗ trợ: 217.440.000 đồng.

(Hai trăm mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng